TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG** Bản án số: **158**/2019/DS- PT Ngày 06- 9- 2019 V/v tranh chấp "Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 135/2019/TLPT - DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2019/QĐ-SCBSBA ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 127/2019/QĐPT- DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1978.

1.2 Bà Huỳnh Thị Ph, sinh năm 1981.

Cùng cư trú: Tổ 01, ấp H L 3, thị trấn A Ch, huyện Ch Th, tỉnh A G (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc Châu là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Trần thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Thu Th, sinh năm 1970.

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp H L 3, thị trấn A Ch, huyện Ch Th, tỉnh A G (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Văn Kê là luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Đức Ký thuộc Đoàn luật sư tỉnh An Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Trương Văn N, sinh năm 1969 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 01, ấp H L 3, thị trấn A Ch, huyện Ch Th, tỉnh A G.

3.2 Ông Nguyễn Phước A, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp Ph M, xã Đ M, huyện Thi S, tỉnh A G

3.3 Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1968 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 6, ấp H Th, xã H B Th, huyện Ch Th, tỉnh A G.

3.4 Bà Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1971 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 12, ấp Th Nh, xã B Th, huyện Ch Th, tỉnh A G.

3.5 Chị Trương Thị Ngọc Y, sinh năm 1993 (Xin vắng mặt).

3.6 Cháu Trương Huỳnh Đ1, sinh năm 2003 do bà Huỳnh Thị Thu Th là người đại diện theo pháp luật.

Cùng cư trú: Tổ 01, ấp H L 3, thị trấn A Ch, huyện Ch Th, tỉnh A G.

3.7 Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành, có trụ sO tại Quốc lộ 91, ấp Hòa Long 4, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang (Xin vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Huỳnh Thị Thu Th là nguyên đơn và ông Trương Văn N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ph trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cha mẹ nuôi là bà Nguyễn Thị Ấu (Chết năm 2006) và ông Nguyễn Văn Hừng (Chết năm 2008) để lại cho ông bà. Bà Ấu và ông Hừng không có con ruột mà có 04 người con nuôi tên Nguyễn Phước A, Nguyễn Thị O, Nguyễn Thị Hằng và Nguyễn Văn H. Khi nhận nuôi 4 người con nuôi cha mẹ không làm thủ tục giao nhận con nuôi, ông H là con nhỏ nhất và sống cùng cha mẹ. Phần diện tích đất ông Hừng, bà Ấu đã kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 1.276,5m^2, sau khi bà Ấu mất thì ông Hừng đã làm thủ tục phân chia di sản thừa kế cho ông bà toàn bộ diện tích đất này và đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03019/aĐ ngày 08/12/2006 cho ông H, bà Ph.

Khi bà Ấu còn sống có cho bà Huỳnh Thị Nang (mẹ bà Th) ở nhờ trên phần đất diện tích 54m^2 (không nhớ rõ năm) của bà Ấu, do bà Ấu có nhu cầu bán phần đất này nên mới cho bà Nang di dời qua phần đất bà Th đang ở hiện tại. Vào năm 2000, vợ chồng bà Th có sửa chữa, cơi nới lại nhà có cấu trúc cuốn nền, vách ván, lợp tole gắn liền với phần đất diện tích 78,4m^2. Ông bà yêu cầu bà Th và ông N

phải tháo dỡ, di dời nhà trả lại cho ông bà phần đất diện tích 78,4m^2 và ông bà đồng ý hỗ trợ cho bà Th số tiền 5.000.000đ.

Bị đơn là bà Huỳnh Thị Thu Th trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp đúng như ý kiến của ông H, bà Ph nêu trên. Vào năm 1980, bà Ấu thấy hoàn cảnh gia đình bà khó khăn nên cho mẹ bà (Huỳnh Thị Nang) và bà ở nhờ trên phần đất của bà Ấu, vị trí khác đất đang tranh chấp. Sau đó bà Ấu bán phần đất đó và cho mẹ con bà di dời qua phần đất 54m^2 như hiện tại. Năm 2000 bà có sửa chữa lại nhà nhưng vợ chồng ông H cũng không tranh chấp. Ngày 16/10/2003 bà Ấu có làm Tờ giao kèo cho bà diện tích đất 54m^2 và lối đi ngang 01m dài tới lộ có xác nhận của tổ trưởng và Trưởng ban ấp Hòa Long 3, bà đã sử dụng diện tích đất này ổn định kể từ đó cho đến nay. Nay ông H, bà Ph yêu cầu bà tháo dỡ, di dời nhà trả đất bà không đồng ý, bà yêu cầu được tiếp tục sử dụng diện tích đất 78,4m^2.

Về tờ cam kết ở nhờ là do ông H kêu bà ký tên, không có ngày tháng năm, về nội dung bà không đọc lại nên bà không đồng ý với tờ cam kết này.

Bà có yêu cầu phản tố yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Ấu, ông Hừng cũng như ông H, bà Ph để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đúng theo hiện trạng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trương Văn N, chị Trương Thị Ngọc Y, anh Trương Huỳnh Đ1 trình bày: Các ông bà thống nhất lời trình bày của bà Th đã trình bày trên và không trình bày ý kiến bổ sung.

Bà Nguyễn Thị Hằng và bà Nguyễn Thị O trình bày: Các bà và ông H, ông A đều là con nuôi của ông Nguyễn Văn Hừng và bà Nguyễn Thị Ấu. Cha mẹ nhận nuôi các ông bà không có làm thủ tục giao nhận con nuôi. Đối với phần đất đang tranh chấp là của ông Hừng, bà Ấu cho vợ chồng ông H, do đó việc tranh chấp giữa ông H và bà Th, các bà không có ý kiến và không tranh chấp.

Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành trình bày: Về qui trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ấu và ông Hừng là đúng quy định, thể hiện bà Th có ký tên Tờ cam kết ở nhờ trên đất nên Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành không đồng ý thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Ấu, ông Hừng. Vì Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo qui định. Về nội dung tranh chấp giữa các bên, Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành không có ý kiến.

Ông Nguyễn Phước A không cung cấp lời khai và chứng cứ cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2019/QĐ-SCBSBA ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Ph.

Buộc bà Huỳnh Thị Thu Th, ông Trương Văn N, chị Trương Thị Ngọc Y, anh Trương Huỳnh Đ1 phải di dời nhà trả lại diện tích đất 78,4m^2 cho ông H, bà Th tại các điểm 7, 9, 10, 6, 5, 4, 22, 32, 31, 24 (kèm theo Bản gốc trích đo của văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất ngày 04/3/2011), thời gian lưu cư là 06 tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Hết hạn lưu cư bà Th, ông N, chị Y, anh Đ1 có nghĩa vụ di dời nhà để giao trả đất cho ông H, bà Ph.

Không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Huỳnh Thị Thu Th đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng số H.03019/aĐ ngày 08/12/2006, tờ bản đồ số 283, thửa 3, diện tích 1.276,5m^2 do Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp cho ông Nguyễn Văn H bà Huỳnh Thị Ph đứng tên.

Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ph có trách nhiệm giao cho gia đình bà Huỳnh Thị Thu Th số tiền 5.000.000đ.

Về lệ phí đo đạc, lệ phí định giá tài sản: Bà Th, ông N phải chịu 1.525.545đ. Ông H, bà Ph đã nộp xong nên bà Th, ông N có trách nhiệm trả lại cho ông H, bà Ph số tiền này.

Về án phí:

Bà Huỳnh Thị Thu Th và ông Trương Văn N phải chịu 716.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ph số tiền 675.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 013443 ngày 01/10/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 5 năm 2019 bà Huỳnh Thị Thu Th và ông Trương Văn N nộp Đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm phúc xử sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ấu và ông H, bà Ph để các bên có điều kiện đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như hiện trạng. Tại phiên tòa bà Th và ông N yêu cầu được hủy bản án sơ thẩm.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho ông H và bà Ph: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th và ông N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho bà Th và ông H: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th và ông N, sửa Bản án dân sự sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà Ph, ổn định cho bà Th, ông N được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 78,4m^2.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố

tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét đơn kháng cáo của bà Th và ông N, đề xuất áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th và ông N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 23/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Huỳnh Thị Thu Th và ông Trương Văn N kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà Th và ông N theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ph giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ấu, ông Hừng và ông H, bà Ph để các bên có điều kiện đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như hiện trạng.

[3] Xét kháng cáo của bà Th và ông N, về nguồn gốc phần đất diện tích 1.276,5m^2, tờ bản đồ số 29 nhưng án sơ thẩm ghi số 283, thửa số 3, tọa lạc tại ấp H L 3, thị trấn A Ch, huyện Ch Th, tỉnh A G là của bà Ấu và ông Hừng đã được UBND huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03019/aĐ ngày 18/7/2006. Sau khi bà Ấu chết, ông Hừng đã lập Văn bản phân chia di sản thừa kế ngày 23/11/2006 để cho con nuôi là ông H, bà Ph nên đất đã được chuyển quyền cho ông H, bà Ph ngày 08/12/2006. Ông H và bà Ph trình bày năm 1980 bà Ấu có cho bà Nang (mẹ bà Th) ở nhờ trên phần đất diện tích 54m^2 ở nơi khác nhưng do cha mẹ cần chuyển nhượng phần đất này nên bà Nang đã trả lại. Năm 2000 bà Nang di dời nhà cất trên phần đất diện tích 78,4m^2 và được bà Th thừa nhận tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 29/3/2011 (Bút lục số 133). Ông H, bà Ph yêu cầu bà Th, ông N trả lại đất nhưng bà Th, ông N không đồng ý trả đất mà cho rằng phần đất diện tích 78,4m^2 bà Nang đã được bà Ấu cho theo Tờ giao kèo cho đất ở ngày 16/10/2003 do bà Th với bà Ấu cùng ký tên có xác nhận của Tổ trưởng và Trưởng ban ấp Hòa Long 3. Tuy nhiên, đất là tài sản chung của bà Ấu và ông Hừng nhưng chỉ có bà Ấu là người ký tên cho đất mà không được sự đồng ý của ông Hừng nên không có giá trị pháp lý. Sau đó bà Ấu, ông Hừng kê khai và được UBND huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03019/aĐ ngày 18/7/2006 cho bà Ấu, ông Hừng và đã chuyển quyền cho ông H, bà Ph ngày 08/12/2006 thì bà Th, ông N đều biết nhưng không có ý kiến phản đối. Tại hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Th đã ký vào Tờ cam kết về việc xin ở tạm trên đất để bà Ấu, ông Hừng xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trên hồ sơ kỹ thuật khu đất thể hiện có căn nhà của bà Th. Hồ sơ đã được tổ chức công khai, Nêm yết đúng quy định của pháp luật theo Thông báo số

08/TB.UB ngày 06/5/2006 và Biên bản "V/v kết thúc công khai kết quả xét duyệt đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ" số 08/BB.UB ngày 06/6/2006. Như vậy, có cơ sở xác định bà Th, ông N là người ở nhờ trên đất của ông H, bà Ph nên án sơ thẩm đã buộc bà Th, ông N, chị Y, anh Đ1 phải tháo dỡ, di dời nhà để trả lại cho ông H, bà Ph phần đất diện tích đất 78,4m^2 và công nhận sự tự nguyện của ông H, bà Ph hỗ trợ cho gia đình bà Th số tiền 5.000.000đ là có căn cứ.

Việc bà Th và luật sư Nguyễn Văn Kê cho rằng Tờ cam kết về việc xin ở tạm không có giá trị pháp lý do không có ngày tháng năm nên trình tự cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ấu và ông Hừng là không đúng nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Ấu, ông Hừng. Xét thấy, căn cứ vào hồ sơ lưu trữ tại Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành cung cấp và ý kiến của đại diện Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành thì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ấu, ông Hừng là đúng trình tự thủ tục theo quy định, việc bà Th thừa nhận có ký tên và viết họ tên vào Tờ cam kết xin ở tạm là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và khi bà Ấu, ông Hừng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Th, ông N biết nhưng không tranh chấp hay phản đối. Do đó, án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của bà Th yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03019/aĐ ngày 18/7/2006 cấp cho bà Ấu, ông Hừng và đã chuyển quyền cho ông H, bà Ph ngày 08/12/2006 là có căn cứ.

Tuy nhiên, án sơ thẩm ghi tờ bản đồ số 283 là chưa chính xác, vì thực tế phần đất diện tích 78,4m^2 thuộc tờ bản đồ số 29 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03019/aĐ ngày 18/7/2006 cấp cho ông Hừng, bà Ấu và ông H, bà Ph là chưa chính xác mà Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03019/aĐ ngày 18/7/2006 cấp cho ông Hừng, bà Ấu và đã được chuyển quyền cho ông H, bà Ph ngày 08/12/2006 (được ghi nhận tại trang 4 của giấy chứng nhận). Do đó, cần sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 về cách tuyên.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Th, ông N. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2019/QĐ-SCBSBA ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành về cách tuyên như đã nhận định trên và ý kiến đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên bà Th, ông N không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, bà Th và ông N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 256, Điều 258 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm

2013, khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Thu Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn N. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 02/2019/QĐ-SCBSBA ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Buộc bà Huỳnh Thị Thu Th, ông Trương Văn N, chị Trương Thị Ngọc Y, anh Trương Huỳnh Đ1 cùng phải có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời nhà để trả lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ph phần đất diện tích 78,4m^2, tờ bản đồ số 29, thửa số 3, tọa lạc tại ấp H L 3, thị trấn A Ch, huyện Ch Th, tỉnh A G theo Bản gốc trích đo do Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh Châu Thành lập ngày 04/3/2011 được giới hạn bởi các điểm 7, 9, 10, 6, 5, 4, 22, 32, 31, 24. Đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03019/aĐ ngày 18/7/2006 cho ông Nguyễn Văn Hừng, bà Nguyễn Thị Ấu và đã chuyển quyền cho ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ph ngày 08/12/2006 (Đã được điều chỉnh tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03019/aĐ ngày 18/7/2006).

4. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ph hỗ trợ cho gia đình bà Huỳnh Thị Thu Th số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

5. Bà Huỳnh Thị Thu Th, ông Trương Văn N, chị Trương Thị Ngọc Y, anh Trương Huỳnh Đ1 được quyền lưu cư 06 tháng, kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

6. Không chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Thu Th yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03019/aĐ ngày 18/7/2006 cấp cho ông Nguyễn Văn Hừng, bà Nguyễn Thị Ấu và đã chuyển quyền cho ông Nguyễn Văn H, bà Huỳnh Thị Ph ngày 08/12/2006 (Đã được điều chỉnh tại trang 4 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H.03019/aĐ ngày 18/7/2006).

7. Về chi phí tố tụng: Bà Huỳnh Thị Thu Th và ông Trương Văn N phải giao lại cho ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ph số tiền 1.525.545đ (Một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng) chi phí đo đạc, định giá, thẩm định tại chỗ.

8. Về án phí:

8.1. Bà Huỳnh Thị Thu Th và ông Trương Văn N phải nộp 716.000đ án phí dân sự sơ thẩm và không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 600.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014193 và số 0014194 cùng ngày 08/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành nên bà Th, ông N còn phải nộp thêm 116.000đ (Một trăm mười sáu nghìn đồng).

8.2. Ông Nguyễn Văn H và bà Huỳnh Thị Ph được nhận lại số tiền 675.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 013443 ngày 01/10/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- TAND.H Châu Thành
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà